

PHỤ LỤC
NỘI DUNG BỔ SUNG CHƯƠNG VII

Điều	Nội dung
E-ĐKC 10	- Phương thức thanh toán: chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng. - Đợt 1: Tạm ứng 20% giá trị trước thuế phần chi phí khảo sát, lập BCNCKT ĐTXD. + Hồ sơ tạm ứng (03 bộ chính hoặc 01 bộ chính + 02 bộ sao y công chứng hoặc sao y đơn vị phát hành): • Văn bản đề nghị tạm ứng. • Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo quy định của hợp đồng). • Khi nộp hồ sơ tạm ứng, nhà thầu phải cung cấp hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đã có hiệu lực cho đến khi dự án được bàn giao và đưa vào sử dụng, giấy chứng nhận bảo hiểm kèm theo tài liệu chứng minh hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực (chứng từ đã thanh toán phí bảo hiểm theo quy định của hợp đồng bảo hiểm, ...). <i>Khi thực hiện thủ tục tạm ứng, các Nhà thầu phải lập kế hoạch và cam kết sử dụng vốn tạm ứng phù hợp với quy định hợp đồng;</i> <i>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Ban ALĐ về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, như: bảng kê thanh toán tiền công, tiền lương,... phù hợp với kế hoạch, cam kết nêu trên. Theo đó, Ban ALĐ sẽ kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của việc sử dụng vốn tạm ứng.</i> <i>Sau 45 ngày kể từ ngày cấp tiền tạm ứng, trường hợp Nhà thầu không thông báo tình hình sử dụng hoặc sử dụng vốn tạm ứng không phù hợp, Ban ALĐ sẽ tiến hành thu hồi tiền tạm ứng hợp đồng hoặc tịch thu Bảo lãnh tiền tạm ứng nếu nhà thầu không thực hiện việc hoàn trả tiền tạm ứng.</i> <i>Đề nghị nhà thầu nghiên cứu văn bản số 984/ALĐ-TCKT ngày 18/3/2026 của Ban QLDA Lưới điện TP Hồ Chí Minh đính kèm</i> + Bảo lãnh tạm ứng: • <i>Bảo lãnh tạm ứng: yêu cầu nhà thầu mở tại Ngân hàng có Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nhà thầu mở Bảo</i>

Điều	Nội dung
	<i>lãnh tạm ứng tại các địa phương khác, phải có xác nhận của Hội sở/chỉ nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cho phép Chủ đầu tư được tịch thu bảo lãnh tạm ứng tại Hội sở/chỉ nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.</i> • Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng về tài khoản của nhà thầu cho đến khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng. • Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: ✓ Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. ✓ Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. ✓ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. ✓ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. - Thu hồi tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. - Đợt 2: Thanh toán đến 80% (sau khi khấu trừ 20% chi phí tạm ứng) chi phí khảo sát, lập BCNCKT ĐTXD sau khi BCNCKT ĐTXD và

Điều	Nội dung
	chi phí BIM được duyệt và nhà thầu hiệu chỉnh hoàn thiện BCNCKT ĐTXD theo quyết định phê duyệt. - Đợt 3: Tạm ứng 20% giá trị trước thuế phần KS, lập TKKT/TKBVTC-DTXDCT - Đợt 4: Đối với thiết kế 3 bước, thanh toán đến 60% (sau khi khấu trừ theo tỷ lệ tương ứng) chi phí khảo sát, lập TKKT-DTXDCT và chi phí BIM sau khi TKKT-DTXDCT được duyệt và nhà thầu hiệu chỉnh hoàn thiện thiết kế theo quyết định phê duyệt (Lưu ý: không thanh toán chi phí lập TKBVTC). Thanh toán lũy kế đến 90% chi phí KS, lập BCNCKT ĐTXD. - Đợt 5: Đối với thiết kế 3 bước, thanh toán từng đợt theo giá trị hoàn thành khối lượng xây lắp công trình • Đối với chi phí KS, lập TKKT-DTXDCT thanh toán với tỷ lệ 1:3 (thanh toán 1% chi phí KS, lập TKKT-DTXDCT khi giá trị xây lắp hoàn thành 3%, sau khi khấu trừ tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). • Đối với chi phí BIM còn lại: thanh toán với tỷ lệ 1:3 theo tiến độ thi công xây dựng (thanh toán thêm 1% chi phí BIM khi giá trị xây lắp hoàn thành 3%, sau khi khấu trừ tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). • Đối với chi phí lập TKBVTC thanh toán với tỷ lệ 1:1,3 (thanh toán thêm 1% chi phí lập TKBVTC khi giá trị xây lắp hoàn thành 1,3%, sau khi khấu trừ tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). - Đợt 6: Đối với thiết kế 3 bước, sau khi công trình đóng điện nghiệm thu, thanh toán đến 98% chi phí TKBVTC và thanh toán lũy kế đến 98% chi phí giai đoạn lập TKKT-DTXDCT và chi phí BIM. - Đợt 7: Sau khi có báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, thanh toán toàn bộ giá trị còn lại. <i>Lưu ý: Thuế GTGT là 10%. Bên A sẽ áp dụng thanh toán cho bên B theo quy định về thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.</i> Lưu ý: Giá trị thanh toán chi phí tư vấn BCNCKT-ĐTXD, TKKT-DTXDCT, TKBVTC của các đợt là giá trị thấp nhất trong các giá trị sau: • Giá trị chi phí tư vấn lập BCNCKT-ĐTXD, TKKT-DTXDCT, TKBVTC được tính lại theo định mức dựa trên Gxd và Gtb đã được duyệt (theo QĐ phê duyệt TKKT-DTXDCT) nhân với tỷ lệ chiết

Điều	Nội dung
	giảm trong đấu thầu (giá chào thầu/giá gói thầu trong KHLCNT được duyệt). • Giá trị chi phí BIM giai đoạn BCNCKT-ĐTXD, TKKT, TKBVTC được tính lại theo giá dự toán công trình đã được duyệt (theo QĐ phê duyệt TKKT-DTXDCT) nhân với tỷ lệ chiết giảm trong đấu thầu (giá chào thầu/giá gói thầu trong KHLCNT được duyệt). • Giá gói thầu trong KHLCNT được duyệt. • Giá trị chi phí tư vấn lập BCNCKT – ĐTXD, TKKT-DTXDCT, TKBVTC trong hợp đồng. – Hồ sơ thanh toán 3 bản chính (hoặc 1 bản chính + 02 bản sao y đơn vị phát hành): • Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện; • Quyết định phê duyệt tương ứng công tác tư vấn thực hiện; • Bảng xác định kinh phí thanh toán; • Giấy đề nghị thanh toán; • Hoá đơn thuế giá trị gia tăng; • Khi nộp hồ sơ thanh toán lũy kế 100% thì nhà thầu phải cung cấp báo cáo giám sát tác giả. – Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng 1.1 Đối với nhà thầu: a/ Nguyên tắc * Nội dung vi phạm về tiến độ: Vi phạm về các mốc tiến độ chi tiết như đã nêu ở Điều 7 – Phần thỏa thuận hợp đồng và Phụ lục A – Điều khoản tham chiếu của Hợp đồng. * Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,...; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công

Điều	Nội dung
	trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau: - Vi phạm trong công tác khảo sát: + Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn (nếu có). + Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình,...). + Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (Bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nồn khoan,...) (nếu có). + Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng,... Các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập Báo cáo ĐTM,...). + Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo, ...). + Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm (nếu có). + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. - Vi phạm trong công tác thiết kế: + Vi phạm trong việc áp dụng các Tiêu chuẩn thiết kế, Phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió...) đối với hạng mục/ công trình,... + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án. + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình... trong các trường hợp tính toán. + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ,... + Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ. + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/công trình. + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/công trình.

Điều	Nội dung
	+ Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế do tư vấn thiết kế thiếu, sản phẩm thiết kế không thi công được, + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. + Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót, ... + Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu. - Vi phạm trong công tác lập chi phí: + Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ. + Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...). + Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng. + Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí. + Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D-Office, phần mềm quản lý ĐTXD...). + Xác định TMĐT/DTXDCT/Dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn $\pm 10\%$ so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt. - Các nội dung vi phạm khác: + Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, Các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị Chủ đầu tư làm rõ). + Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (đề xuất hướng tuyến hay vị trí chưa hợp lý) làm ảnh hưởng đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống, ...và phải điều chỉnh trong quá trình đi thỏa thuận bồi thường dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Điều	Nội dung
	+ Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự. + Đối với các vi phạm khác: • Vi phạm trong rà soát thủ tục đất đai (như rà soát, thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến khu đất thực hiện dự án, như: lập quy hoạch tổng mặt bằng hoặc thỏa thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình tỷ lệ 1/500 với cấp thẩm quyền (nếu có)), không đề xuất Chủ đầu tư hoàn thiện cơ sở pháp lý để đủ điều kiện xin cấp phép xây dựng. • Vi phạm trong việc thỏa thuận, xin ý kiến, thẩm định với cơ quan thẩm quyền nhà nước (như công tác xin ý kiến/thẩm duyệt PCCC, thẩm định của Sở Công thương, đấu nối hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp thoát nước), giấy phép môi trường, báo cáo chuyên ngành...) dẫn đến hồ sơ không được thông qua/ phê duyệt. • Vi phạm trong việc thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý (lập, giải trình các hồ sơ thỏa thuận vị trí, hồ sơ đấu nối hạ tầng kỹ thuật, thỏa thuận phương án cắt điện...) dẫn đến hồ sơ TKBVTC-DTXDCT khi trình duyệt chưa đầy đủ pháp lý theo quy định hiện hành của EVNHCMC, EVN và quy định pháp luật. • Vi phạm trong đo vẽ bản đồ, bản vẽ không phù hợp dẫn đến phải hiệu chỉnh theo yêu cầu của cơ quan chức năng làm phát sinh chi phí và kéo dài thời gian thực hiện dự án. • Vi phạm trong việc thực hiện các công việc liên quan (kể cả hiệu chỉnh bổ sung) với đối tác thứ ba hoặc cấp có thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng. b/ Mức phạt - Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12% x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (<i>giá trị trên webform chỉ mang tính tham khảo và sẽ được chuẩn xác dựa theo giá trúng thầu trong quá trình ký hợp đồng</i>). Cụ thể như sau: - Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng (kể cả giai đoạn sửa đổi/hiệu chỉnh) 05 ngày thì bắt đầu từ ngày thứ 6 phạt 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày (01 ngày) chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu;

Điều	Nội dung
	- Trong trường hợp chậm tiến độ sau khi chủ đầu tư đã có văn bản nhắc nhở lần thứ 3, Ban QLDA sẽ trình chủ đầu tư cấm nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu khác trong Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh cho đến khi nhà thầu hoàn thành hợp đồng đã ký kết. - Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng. Lưu ý: - <i>Phạt hợp đồng do không đảm bảo chất lượng hồ sơ vì nguyên nhân chủ quan (vướng hạ tầng ngầm, vị trí trạm/hướng tuyến đường dây, thỏa thuận đấu nối, thiết kế vi phạm hành lang an toàn lưới điện, thiết kế thiếu theo yêu cầu của Chủ đầu tư) thì ngoài việc nhà thầu phải bồi thường khắc phục phần không đạt chất lượng, nhà thầu còn chịu phạt từ 1% đến 5% giá trị hợp đồng, tùy mức độ vi phạm sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị bị phạt.</i> - <i>Phạt hợp đồng do vi phạm trong rà soát thủ tục đất đai (như rà soát, thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến khu đất thực hiện dự án, như: cung cấp thông tin của chủ sở hữu khu đất liên quan (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, CMND, CCCD,...), cung cấp hồ sơ theo yêu cầu của cấp thẩm quyền và chủ đầu tư trong việc thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 (nếu có), lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền và chủ đầu tư (nếu có), lập quy hoạch tổng mặt bằng hoặc thỏa thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình tỉ lệ 1/500 với cấp thẩm quyền (nếu có)), không đề xuất Chủ đầu tư hoàn thiện cơ sở pháp lý để đủ điều kiện xin cấp phép xây dựng thì ngoài việc nhà thầu phải bồi thường khắc phục phần không đạt chất lượng, nhà thầu còn chịu phạt từ 1% đến 5% giá trị hợp đồng, tùy mức độ vi phạm sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị bị phạt.</i> - <i>Phạt hợp đồng do vi phạm trong việc thỏa thuận, xin ý kiến, thẩm định với cơ quan thẩm quyền nhà nước (như công tác xin ý kiến/thẩm duyệt PCCC, thẩm định của Sở Công Thương, đấu nối hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp thoát nước), giấy phép môi trường, báo cáo chuyên ngành...) dẫn đến hồ sơ không được thông qua/ phê duyệt thì ngoài việc nhà thầu phải bồi thường khắc phục phần không đạt chất lượng, nhà thầu còn chịu phạt từ 1% đến 5% giá trị hợp đồng, tùy mức độ vi phạm sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị bị phạt.</i>

Điều	Nội dung
	- <i>Phạt hợp đồng do vi phạm trong việc thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý (lập, giải trình các hồ sơ thỏa thuận vị trí, hồ sơ đấu nối hạ tầng kỹ thuật, thỏa thuận phương án cắt điện...) dẫn đến hồ sơ TKKT-DTXDCT, TKBVTC khi trình duyệt chưa đầy đủ pháp lý theo quy định hiện hành của EVNHCMC, EVN và quy định pháp luật thì ngoài việc nhà thầu phải bồi thường khắc phục phần không đạt chất lượng, nhà thầu còn chịu phạt từ 1% đến 5% giá trị hợp đồng, tùy mức độ vi phạm sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị bị phạt.</i> - <i>Nhân sự tham gia khảo sát và thiết kế không đúng với danh sách đề xuất trong hồ sơ dự thầu/hợp đồng hoặc đề xuất thay đổi (nếu có) phải được chủ đầu tư thông qua trước khi thực hiện gói thầu gây ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện hợp đồng: phạt 5% giá trị hợp đồng.</i> - <i>Thỏa thuận tuyến/ vị trí trạm: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 5 ngày thì bắt đầu ngày thứ 6 phạt 5% giá trị phần hợp đồng.</i> - <i>Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư gây ra thì nhà thầu sẽ bị phạt một khoản tiền bằng 12% giá trị hợp đồng.</i> - <i>Tổng số tiền phạt không vượt quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm; nếu nhà thầu vi phạm mức phạt tối đa đến 12% hoặc vi phạm nghiêm trọng đến chất lượng công trình thì chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ đánh giá năng lực tư vấn, không chấp nhận cho tư vấn tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo, đồng thời báo cáo Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh xem xét không chấp nhận cho tư vấn tham gia đấu thầu các gói thầu do Tổng công ty quản lý.</i> 1.2 Đối với bên giao thầu: - Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu. - Nghĩa vụ thanh toán được coi là hoàn thành từ khi chuyển đủ tiền trên tài khoản của Chủ đầu tư tại Ngân hàng cho Nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: a/ Đối với bên nhận thầu:

Điều	Nội dung
	- Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định Khoản 1 E-ĐKC 17, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của nhà thầu theo các nội dung quy định tại Khoản 1 E-ĐKC 17 (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng. <i>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng</i> Trong đó: + Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do nhà thầu gây ra như mua sắm lại vật tư thiết bị, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thiết kế gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, chi phí cho chủ đầu tư bồi thường bên thứ 3,...). <i>(trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).</i> + Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng. - Trường hợp sản phẩm tư vấn không khả thi, không sử dụng được: <i>Mức bồi thường= 100% giá trị thiệt hại tương ứng</i> b/ Đối với bên giao thầu: - Trường hợp, chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã chịu phạt như quy định tại Mục 1.2 E-ĐKC 17 thì không thực hiện việc bồi thường.

**TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 984/ALĐ-TCKT

Sài Gòn, ngày 18 tháng 3 năm 2026

V/v quản lý, sử dụng các khoản vốn
tạm ứng theo Hợp đồng

Kính gửi: Các Nhà thầu

Căn cứ văn bản số 1394/EVNHCMC-TCKT ngày 18/4/2025 của Tổng công ty Điện lực TPHCM về việc rà soát công tác tạm ứng các hợp đồng xây lắp;

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong công tác ĐTXD của đơn vị, Ban quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh (Ban ALĐ) thông báo và đề nghị các Nhà thầu một số nội dung liên quan đến công tác quản lý vốn tại các dự án, đặc biệt là vốn tạm ứng theo hợp đồng, cụ thể như sau:

1. Khi thực hiện thủ tục tạm ứng, các Nhà thầu phải lập kế hoạch và cam kết sử dụng vốn tạm ứng phù hợp với quy định hợp đồng;

2. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Ban ALĐ về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, như: đơn / hợp đồng đặt hàng vật tư thiết bị, bảng kê thanh toán tiền công, tiền lương, hợp đồng thuê kho bãi... phù hợp với kế hoạch, cam kết nêu trên. Theo đó, Ban ALĐ sẽ kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của việc sử dụng vốn tạm ứng.

Sau 45 ngày kể từ ngày cấp tiền tạm ứng, trường hợp Nhà thầu không thông báo tình hình sử dụng hoặc sử dụng vốn tạm ứng không phù hợp, Ban ALĐ sẽ tiến hành thu hồi tiền tạm ứng hợp đồng hoặc tịch thu Bảo lãnh tiền tạm ứng nếu nhà thầu không thực hiện việc hoàn trả tiền tạm ứng.

Ban ALĐ thông báo và đề nghị các Nhà thầu quản lý, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả công việc như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tư vấn, xây lắp... đã ký với Chủ đầu tư.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNHCMC (để báo cáo);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Phòng ĐHDA1, ĐHDA2, KHVT, KT, TCHC (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, TCKT, NVH.



CHỖ CHỮ ĐÓC

Trần Văn Toàn

